

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: ***CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC***

ĐỀ TÀI: ***Lý luận về thời kì quá độ và tính tất yếu, đặc điểm của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam***

Giảng viên hướng dẫn : Thầy Nguyễn Thế Hùng
Sinh viên thực hiện : Trần Thị Thu Hà
Lớp : K22LKTB
Mã sinh viên : 22A4060040

Hà nội, ngày 6 tháng 1 năm 2020

Mục lục

<i>Lời nói đầu</i>	3
Phần 1: Lý luận chung về thời kì quá độ đi lên CNXH.....	4
Tính tất yếu của thời kì quá độ đi lên CNXH.....	4
Các hình thái của thời kì quá độ đi lên CNXH.....	5
I. Đặc điểm của thời kì quá độ đi lên CNXH	6
Phần 2: Liên hệ thực tiễn.....	7
I. Thành tựu đạt được trong thời kì quá độ đi lên CNXH ở Việt Nam	7
II. Những hạn chế còn tồn tại trong thời kì quá độ đi lên CNXH ở Việt Nam	9
Phần 3: Liên hệ bản thân sinh viên.....	11
<i>Kết luận</i>	13
Tư liệu tham khảo.....	14

Lời nói đầu

Việt Nam- với xuất phát điểm là một quốc gia nghèo nàn, lạc hậu, hệ thống cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện, chúng ta lựa chọn con đường xây dựng CNXH làm kim chỉ nam cho quá trình khôi phục và phát triển đất nước. Đối với một quốc gia có vị thế vàng trong khu vực Đông Nam Á, quá trình chống thù trong- giặc ngoài là một vấn đề thật sự không đơn giản. Khó khăn là như vậy, nhưng chúng ta vẫn kiên quyết một lòng đi theo định hướng của thời kì quá độ đi lên CNXH

Theo V.I.Lênin “ sự cần thiết khách quan phải có thời kỳ quá độ lên CNXH là do đặc điểm ra đời, phát triển của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa và cách mạng vô sản quy định” . Cuộc cách mạng vô sản khác với các cuộc cách mạng khác ở chỗ: các cuộc cách mạng trước đó giành được chính quyền là kết thúc. Còn cuộc cách mạng vô sản giành được chính quyền mới chỉ là bước đầu, còn vấn đề chủ yếu cơ bản hơn đó là giai cấp vô sản phải xây dựng một xã hội mới. Hơn nữa, sự phát triển của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ lâu dài, không một lúc có thể hoàn thiện được. Nói cách khác, tất yếu phải có thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội....

Là một sinh viên- nhận thức rõ tầm quan trọng của việc không ngừng học hỏi và nghiên cứu, em cũng mong muốn tìm hiểu kĩ về thời kì quá độ và tính tất yếu, những đặc điểm vốn có của nó để có thể đóng góp một phần nhỏ bé kiến thức của mình vào tiếng nói chung, vào đường lối của Đảng. Nhận thức được tính cấp thiết của đề tài, nay em xin thực hiện nghiên cứu về đề tài “*Lý luận về thời kì quá độ và tính tất yếu, đặc điểm của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”

Bài nghiên cứu của em có thể vẫn còn nhiều thiếu sót, em mong rằng có thể nhận được những lời nhận xét, đánh giá khách quan từ thầy.

Phần 1: Lý luận chung về thời kì quá độ đi lên CNXH

I. Tính tất yếu của thời kì quá độ đi lên CNXH

Tính tất yếu của thời kì quá độ lên CNXH được lý giải từ các căn cứ sau đây:

Một là, bất kỳ quá trình chuyển biến từ một xã hội này lên một xã hội khác đều nhất định phải trải qua một thời kỳ gọi là thời kỳ quá độ. Đó là thời kỳ còn có sự đan xen lẫn nhau giữa các yếu tố mới và cũ trong cuộc đấu tranh với nhau. Hơn nữa, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là một bước nhảy lớn và căn bản về chất thì thời kỳ quá độ lại càng là một tất yếu, thậm chí có thể kéo dài.

Hai là, sự ra đời của một xã hội mới bao giờ cũng có những sự kế thừa nhất định từ xã hội cũ, CNXH cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội mặc dù cũng là nền sản xuất đại công nghiệp nhưng đó là nền sản xuất đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Do đó nó cũng cần phải có thời kỳ quá độ của bước cải tạo, kế thừa và tái cấu trúc nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa.

Ba là, các QHXX của CNXH không tự phát nảy sinh trong lòng chủ nghĩa tư bản, chúng là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, dù đã ở trình độ cao cũng chỉ có thể tạo ra những điều kiện, tiền đề cho sự hình thành các quan hệ xã hội mới xã hội chủ nghĩa

Bốn là, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp. Với tư cách là người chủ của xã hội mới, giai cấp công nhân và nhân dân lao động không thể ngay lập tức có thể đảm đương được công việc ấy, nó cần phải có thời gian nhất định.

II. Các hình thái của thời kì quá độ đi lên CNXH

1. *Thời kì quá độ trực tiếp*

Theo C. Mác, quá độ chính trị của CNTB không phải chỉ là sự thể hiện ra ở một, hay một số cuộc cách mạng chính trị. Đây là cả một thời kỳ quá độ chính trị lâu dài và khó khăn. Trong đó, chính trị là điều kiện tiên quyết để thực hiện quá độ trong mọi lĩnh vực khác của xã hội.

Bản chất của TKQĐ lên CNXH là sự giao thoa giữa CNTB và CNXH. V. I. Lênin xác định, TKQĐ không phải là CNXH hoàn chỉnh. chúng có bản chất khác nhau rõ rệt. Mô hình Xô viết do đồng nhất TKQĐ với CNXH, hoặc ngộ nhận một xã hội ở TKQĐ là CNXH, hoặc lầm tưởng TKQĐ ở trình độ thấp (gián tiếp) là TKQĐ ở trình độ cao (trực tiếp), nên đã xác lập QHSX XHCN một cách hình thức, thiếu cơ sở kinh tế - kỹ thuật tiên tiến cần thiết, tất yếu, phù hợp tương ứng.

2. *Thời kì quá độ gián tiếp*

Theo V. I. Lênin, từ cuối thế kỷ XIX, CNTB có nhiều biến chuyển quan trọng, mâu thuẫn giữa các nước phương Tây trở nên gay gắt. Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Xuất hiện cơ hội cho cách mạng XHCN có thể thắng lợi ở một nước riêng biệt không phải là nước tiên tiến, và đó chính là nước Nga. Tiếp theo, nước này có thể bước vào TKQĐ gián tiếp lên CNXH, bỏ qua chế độ TBCN. Thời kỳ quá độ gián tiếp có một nội dung chủ yếu là, dưới sự kiểm soát, bảo đảm của nhà nước XHCN, cần sử dụng, phát triển kinh tế TBCN để xây dựng LLSX. Sau đó, tiếp tục chuyển sang thực hiện nhiệm vụ của TKQĐ trực tiếp, là xây dựng cơ sở ban đầu cho CNXH.

Chính trên cơ sở những tư tưởng này của Mác - Ăngghen - Lênin, từ năm 1920, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ vai trò quan trọng, tích cực chủ động của cách mạng giải phóng dân tộc, gắn liền cuộc cách mạng này với cách mạng XHCN.

III. Đặc điểm của thời kì quá độ đi lên CNXH

Đặc điểm nổi bật của thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH là sự tồn tại những yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những nhân tố mới của chủ nghĩa xã hội trong mối quan hệ vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

1. Trên lĩnh vực kinh tế:

Thời kỳ quá độ là thời kỳ tất yếu còn tồn tại một nền kinh tế nhiều thành phần, không thể dùng ý chí để xóa bỏ ngay kết cấu nhiều thành phần của nền kinh tế. Nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được xác lập trên cơ sở khách quan của sự tồn tại nhiều loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất với những hình thức tổ chức kinh tế đa dạng, đan xen hỗn hợp

2. Trên lĩnh vực chính trị:

Do kết cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đa dạng, phức tạp, nên kết cấu giai cấp của xã hội trong thời kỳ này cũng đa dạng phức tạp. Nói chung, thời kỳ này thường bao gồm: giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức, những người sản xuất nhỏ, tầng lớp tư sản và một số tầng lớp xã hội khác tùy theo từng điều kiện cụ thể của mỗi nước. Các giai cấp, tầng lớp này vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau.

3. Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá:

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều yếu tố tư tưởng và văn hoá khác nhau. Bên cạnh tư tưởng xã hội chủ nghĩa còn tồn tại tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, tâm lý tiểu nông, V.V..

Thực chất của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp tư sản đã bị đánh bại và những thế lực thù địch với giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động.

Phần 2: Liên hệ thực tiễn

I. Thành tựu đạt được trong thời kì quá độ đi lên CNXH ở Việt Nam

1) Nhận thức lý luận tiến bộ về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam:

Những thành tựu lý luận về chủ nghĩa xã hội, về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được thể hiện tập trung trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định tám đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Cương lĩnh cũng xác định tám phương hướng cơ bản và tám mối quan hệ lớn cần phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt. Có thể coi đó là đường lối chung để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2) Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước:

Đảng ta đã quyết định từ bỏ mô hình tập trung bao cấp, chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn liền với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hội nhập. Bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng.

Trong gần 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu phát triển kinh tế gây ấn tượng, được thế giới đánh giá cao, sức mạnh kinh tế của đất nước tăng lên nhiều. Sau 10 năm đầu đổi mới (1996) đất nước đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội; sau 25 năm đổi mới (năm 2010) đất nước đã ra khỏi tình trạng nước nghèo kém phát triển, bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình. Tốc độ tăng trưởng kinh tế hiện nay có thể xem là một điểm sáng của khu vực, rơi vào mức 7,02%. Kết cấu hạ tầng ngày càng được xây dựng

hiện đại, đồng bộ; nguồn nhân lực qua đào tạo ngày càng tăng lên đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện

3) Phát triển văn hóa, con người, giải quyết các vấn đề xã hội:

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, coi văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực, là nguồn lực nội sinh của phát triển.

Giáo dục được tiến hành đổi mới toàn diện và đồng bộ. Mở rộng giáo dục mầm non 5 tuổi. Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Phát triển mạnh dạy nghề và giáo dục chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

Trên cơ sở phát triển khoa học công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững, từng bước phát triển kinh tế tri thức theo một số lộ trình hợp lý.

Trong những năm đổi mới, Việt Nam đã rất quan tâm thực hiện các chính sách xã hội vì hạnh phúc của con người, coi đây là thể hiện tính ưu việt, bản chất của chế độ XHCN và cũng là khắc phục mặt trái của cơ chế kinh tế thị trường. Mỗi năm tạo bình quân 1,5 đến 1,6 triệu việc làm mới, giảm tỷ lệ thất nghiệp. Xây dựng và triển khai Luật Việc làm; nghiên cứu xây dựng chương trình việc làm công.

Chính sách giảm nghèo bền vững đi đôi với khuyến khích làm giàu hợp pháp, chính đáng; chú trọng các huyện nghèo, ưu tiên người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm bình quân 1,5-2%/ năm.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, hệ thống cơ sở dịch vụ y tế ngày càng hoàn thiện và nâng cao về chất lượng

4) Tăng cường mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế:

Việt Nam đã tham gia tích cực vào các quan hệ song phương và tổ chức đa phương như ASEAN, APEC, ASEM, WTO..., thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư nước ngoài (FDI,ODA). Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại

giao với 170 nước (trong đó xác lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước), quan hệ thương mại với 230 nước và vùng lãnh thổ, ký trên 90 hiệp định thương mại song phương, gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư. Hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng, vị thế và uy tín quốc tế của Việt nam ngày càng được nâng lên.

5) Tăng cường xây dựng Đảng, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân:

Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Đảng tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, khắc phục suy thoái về tư tưởng chính trị.

Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm từng tổ chức, sáp nhập một số ban, bộ, ngành Trung ương để giảm bớt đầu mối, thực hiện cải cách hành chính trong Đảng.

Việt Nam đã đẩy mạnh việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; khẳng định nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công; phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước

Dân chủ là bản chất của chế độ XHCN , vừa là mục tiêu, là động lực của sự nghiệp đổi mới. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và được thể chế hóa bằng pháp luật,. được pháp luật bảo đảm.

II. Những hạn chế còn tồn tại trong thời kì quá độ đi lên CNXH ở Việt Nam.

Trong những năm đổi mới, tốc độ tăng trưởng ***kinh tế*** khá, song kinh tế phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu, chưa thật sự bền vững, đặc biệt trong 10 năm gần đây. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động và

năng lực cạnh tranh còn thấp. Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN chưa được hoàn thiện và đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng còn hạn chế đang cản trở sự phát triển

Trên lĩnh vực phát triển văn hóa, nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh. Đạo đức xã hội có một số mặt xuống cấp; văn hóa phẩm độc hại, lai căng tác động tiêu cực đến đời sống tinh thần của xã hội; tài nguyên bị khai thác bừa bãi, môi trường sinh thái bị ô nhiễm, biến đổi khí hậu toàn cầu, thực hiện công bằng xã hội chưa thống nhất.

Trên lĩnh vực chính trị và hệ thống chính trị, đổi mới còn chậm, chưa phù hợp với đổi mới kinh tế. Hệ thống chính trị còn cồng kềnh, hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn thấp, chưa ngang tầm với nhiệm vụ. Biên chế của hệ thống chính trị ngày càng tăng lên, nhưng chất lượng công vụ thấp.

Việc xây dựng, hoàn thiện ***Nhà nước pháp quyền XHCN*** còn nhiều hạn chế. Nguyên tắc kiểm soát quyền lực nhà nước còn bất cập. Số văn bản luật ngày càng tăng nhưng hiệu lực pháp lý chưa cao, việc phát huy dân chủ chưa đảm bảo. Cải cách hành chính còn chậm trễ, cải cách tư pháp còn lúng túng. Chưa có những giải pháp hiệu quả để ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Công tác tư tưởng- lý luận, công tác tổ chức- cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát, công tác dân vận còn nhiều bất cập. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng còn thấp, quản lý đảng viên chưa chặt chẽ; chế độ trách nhiệm không rõ ràng, nhất là của người đứng đầu.

Những hạn chế trên đây làm cho Đảng chưa thật sự trong sạch, vững mạnh, chưa ngang tầm nhiệm vụ, làm ảnh hưởng đến lòng tin của cán bộ, đảng viên, nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN.

Phần 3: Liên hệ bản thân sinh viên

Hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa là xu thế tất yếu. Xu thế này sẽ tạo ra thị trường lao động toàn cầu, công dân toàn cầu và thanh niên toàn cầu... Sinh viên nước ta- những người lao động tương lai, đang bị đánh giá tụt hậu hơn về học vấn, ngoại ngữ và tin học, khả năng thích ứng, sức khỏe... Mặc dù sinh viên Việt Nam có trình độ văn hóa, chuyên môn, ý chí và nghị lực không thua kém nước ngoài nhưng chúng ta còn thua kém thanh niên các nước tiên tiến về kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tham gia các hoạt động quốc tế. Ngày nay khi mọi người được sống, lao động, học tập trong môi trường hòa bình, những lợi thế đó là hành trang giúp sinh viên vững bước tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sinh viên Việt Nam cần có 3 nhóm phẩm chất là: Trình độ chuyên môn, đạo đức và lối sống trong sáng, sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần mới đáp ứng được yêu cầu của thời đại mới. Để đạt được những tiêu chí và các phẩm chất trên đòi hỏi bản thân sinh viên phải tự học, tự rèn luyện, tự tin, tự chịu trách nhiệm để trở thành nguồn lao động chất lượng cao, trở thành người thừa kế trung thành sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

Thứ nhất, sinh viên phải tích cực tham gia học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, bồi đắp lý tưởng cách mạng trong sáng. Rèn luyện để có lập trường tư tưởng vững vàng, có lòng yêu nước, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng và lối sống lành mạnh; tích cực tham gia vào các cuộc đấu tranh bảo vệ Đảng, Nhà nước

Thứ hai, sinh viên cần tích cực học tập và tự học tập để nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, khoa học, kỹ thuật. Tích cực tham gia xây dựng xã hội học tập với phương châm: người nào cũng phải học, ở đâu, làm gì, thời gian nào cũng phải học; học tập thường xuyên, suốt đời là quyền và nghĩa vụ của bản thân.

Thứ ba, sinh viên phải tích cực xây dựng Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, phấn đấu trở thành Đoàn viên, đảng viên của Đảng và hội viên của các tổ chức quần chúng nhân dân.

Thứ tư, sinh viên phải tích cực tham gia xây dựng môi trường xã hội lành mạnh và môi trường sinh thái trong lành, sạch đẹp. Tích cực tham gia phòng chống ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu toàn cầu.

Thứ năm, sinh viên phải tích cực tham gia các chương trình, dự án của địa phương; tự nguyện, tự giác tham gia các thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia các hoạt động bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Thứ sáu, thanh niên cần chủ động tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế; chủ động và tham gia có hiệu quả vào giải quyết các vấn đề toàn cầu như: bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, hạn chế sự bùng nổ dân số, phòng ngừa và đẩy lùi các dịch bệnh hiểm nghèo..

Đất nước ta lựa chọn kiên trì với lý tưởng xây dựng thời kì quá độ đi lên CNXH, đây là một quá trình nhiều khó khăn và thử thách, một hướng đi thật sự khác biệt với đại bộ phận quốc gia trên thế giới. Với mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, mục tiêu đó đã đang đặt ra những yêu cầu, trọng trách lớn lao đối với thế hệ trẻ hôm nay. Để kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc ta, mỗi sinh viên Việt Nam hãy ra sức học tập, trau dồi lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH; ra sức thi đua lao động và rèn luyện để hình thành một thế hệ sinh viên tân tiến, xứng tầm đòi hỏi mới của đất nước và thời đại.

Kết luận

Quá trình xây dựng đất nước quá độ lên CNXH, có lúc Đảng ta đã phạm sai lầm nghiêm trọng về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện, nhưng Đảng đã nhận thức rõ những sai lầm khuyết do chủ quan duy ý chí, vi phạm những quy luật khách quan, dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Qua kiểm điểm, Đảng đã rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc, đồng thời, tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, từng bước xác định rõ hơn con đường quá độ lên CNXH; quá trình đổi mới tư duy, trước hết là tư duy về kinh tế, Đảng đã xác định rõ hơn phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt và đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Như vậy, cả từ phương diện lý luận, cả từ phương diện thực tiễn vận động của lịch sử nhân loại suốt thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI và đặc biệt từ thực tiễn lịch sử đấu tranh giải phóng, xây dựng đất nước ở Việt Nam, việc nước ta quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là một tất yếu khách quan, là hoàn toàn phù hợp với xu thế của thời đại, với đặc điểm lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam, đáp ứng đúng khát vọng của nhân dân ta. Cá nhân mỗi người dân Việt Nam, mà đặc biệt là sinh viên-thế hệ lao động tương lai cần phải tích cực, nâng cao giá trị bản thân, hoàn thiện và đổi mới tư duy, tiếp thu những tiến bộ văn minh nhân loại. Xây dựng đất nước thời kì quá độ đi lên CNXH không chỉ là của Đảng, của nhà nước mà là của cả toàn dân- một quá trình lâu dài và bền bỉ.

Tư liệu tham khảo

- Giáo trình CNXHKKH Học viện ngân hàng 2020
- Giáo trình CNXHKKH của Học viện chính trị quốc gia
- Giáo trình CNXHKKH của Bộ GD-ĐT
- <http://tuyengiao.vn/ngghien-cuu/ly-luan/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-thoi-ky-qua-do-len-cnxxh-o-viet-nam-gia-tri-va-nhung-luan-diem-can-bo-sung->
- <http://congdoanxaydungvn.org.vn/tin-tuc/t7680/qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi--mot-tat-yeu-lich-su.html>